

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 223/2025/DS-ST

Ngày: 24-4-2025

V/v Tranh chấp hợp

đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thúy Ái.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Thái Văn Sơn;
- Ông Nguyễn Văn Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Văn Bé-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh:
Không.

Trong ngày 24 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 918/2024/TLST-DS ngày 05 tháng 12 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 123/2025/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 172/2025/QĐST-DS ngày 31 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP V2. Địa chỉ hội sở: Số H L, phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội. Địa chỉ liên lạc: Số I C, Phường D, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D, sinh năm: 1968. Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Thành T. Chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm thu hồi nợ Khách hàng Doanh nghiệp và Xử lý nợ pháp lý.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Huỳnh Quốc T1, sinh năm: 2002. Chức vụ: Cán bộ xử lý nợ (Có mặt).

(Theo Văn bản ủy quyền số 490/2025/UQ-VPB ngày 16/4/2025 của Ngân hàng TMCP V2).

* *Bị đơn:* Ông Lê Hoàng V, sinh năm: 1997 (Vắng mặt). Nơi thường trú: Đường H, tổ F, ấp D, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là ấp A, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện nộp ngày 25/9/2024, lời khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản không tiến hành hòa giải được, nguyên đơn là Ngân hàng TMCP V2 (sau đây gọi tắt là V3)-có người đại diện theo ủy quyền là ông Huỳnh Quốc T1 trình bày:*

Ngày 04/7/2022, ông Lê Hoàng V có ký với V3 Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ Ngân hàng Đ1 (còn gọi là Hợp đồng tín dụng số LN2207066158873), theo Hợp đồng, ông V được V3 cho vay số tiền 210.000.000đ (giải ngân ngày 12/7/2022), thời hạn vay là 36 tháng, lãi suất thả nổi, mục đích vay để phục vụ nhu cầu đời sống. Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng số LN2207066158873, ông V đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ kể từ ngày 12/6/2023, mặc dù V3 đã rất nhiều lần làm việc yêu cầu ông V trả nợ nhưng ông V vẫn không thanh toán. Tạm tính đến ngày 24/4/2025, ông V còn nợ V3 số tiền là 320.752.468đ, cụ thể nợ gốc là 166.414.749đ và nợ lãi là 154.337.719đ.

Ngoài ra ông V còn nợ V3 theo Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng và dịch vụ ngân hàng điện tử số 181-P-9966880 ngày 28/11/2022, hạn mức 300.000.000đ, lãi suất 2,79%/tháng. Quá trình thực hiện, ông V đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với V3 nên khoản vay bị chuyển nợ quá hạn và phải chịu lãi suất nợ quá hạn kể từ ngày 12/6/2023. Tạm tính đến ngày 24/4/2025, ông V còn nợ V3 số tiền là 563.811.022đ, cụ thể nợ gốc là 299.480.000đ và nợ lãi là 264.331.022đ.

Tổng cộng số nợ của ông V theo 02 Hợp đồng tín dụng nêu trên là tính đến ngày 24/4/2025 là 884.563.491đ, cụ thể nợ gốc là 465.894.749đ và nợ lãi là 418.668.742đ.

Để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của mình, V3 kính đề nghị Tòa án nhân dân huyện Củ Chi giải quyết những vấn đề sau đây:

1. Buộc ông Lê Hoàng V phải trả ngay cho V3 tổng số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 24/4/2025 là 884.563.491đ.

2. Buộc ông Lê Hoàng V tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 25/4/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại các Hợp đồng.

** Bị đơn là ông Lê Hoàng V vắng mặt.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Theo nội dung đơn khởi kiện nộp ngày 25/9/2024 và tại phiên tòa, nguyên đơn là V3 đề nghị Tòa án buộc bị đơn là ông Lê Hoàng V thanh toán nợ gốc và lãi theo Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ Ngân hàng điện tử số LN2207066158873 ngày 04/7/2022 và Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng và dịch vụ ngân hàng điện tử số 181-P-9966880 ngày 28/11/2022, đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” quy định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Ông Lê Hoàng V hiện đang cư trú tại địa chỉ tổ F, ấp D, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là ấp A, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án nhân dân huyện Củ Chi đã tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho ông V (chú ông V là ông Lê Hoàng L nhận thay các văn bản tố tụng) nhưng vẫn vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa vắng mặt ông V theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

V3 yêu cầu ông Lê Hoàng V thanh toán nợ gốc và nợ lãi theo Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ Ngân hàng điện tử số LN2207066158873 ngày 04/7/2022 và Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng và dịch vụ ngân hàng điện tử số 181-P-9966880 ngày 28/11/2022 đã ký giữa hai bên, tổng cộng tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày 24/4/2025 là 884.563.491đ.

[3.1] Hội đồng xét xử xét:

- Trong quá trình thực hiện Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ Ngân hàng Đ1 LN2207066158873 ngày 04/7/2022, ông V chỉ thanh toán được cho V3 số tiền gốc là 43.585.251đ và tiền lãi là 51.540.229đ, vi phạm nghĩa vụ của bên vay quy định tại mục số V của hợp đồng và vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 về nghĩa vụ trả nợ của bên vay.

- Trong quá trình thực hiện Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng và dịch vụ ngân hàng điện tử số 181-P-9966880 ngày 28/11/2022, ông V chỉ thanh toán được cho V3 số tiền gốc là 520.000đ, không thanh toán tiền lãi và tiền lãi là 51.540.229đ, vi phạm nghĩa vụ của bên vay quy định tại mục số IV của hợp đồng và vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 về nghĩa vụ trả nợ của bên vay.

Theo các tài liệu, chứng cứ do V3 cung cấp thì V3 đã nhiều lần thông báo nhắc nợ đến ông V nhưng ông V vẫn không thanh toán nợ, việc ông V không thanh toán nợ làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của V3.

Xét tại thời điểm ký Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ Ngân hàng điện tử số LN2207066158873 ngày 04/7/2022 và Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng và dịch vụ ngân hàng Đ1 ngày 28/11/2022, V3 áp dụng Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 để ký hợp đồng, theo quy định tại Khoản 2 Điều 3 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì: *“Trường hợp có quy định khác nhau giữa Luật này và các luật khác có liên quan về thành lập, tổ chức, hoạt động, kiểm soát đặc biệt, tổ chức lại, giải thể tổ chức tín dụng... thì áp dụng theo quy định của Luật này”*. Ngoài ra theo Khoản 2 Điều 210 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2024 thì: *“Hợp đồng, giao dịch khác, thỏa thuận được ký kết trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành, tổ chức tín dụng... và khách hàng được tiếp tục thực hiện theo hợp đồng, giao dịch khác, thỏa thuận đã ký kết cho đến hết thời hạn của hợp đồng, giao dịch khác, thỏa thuận đã ký kết...”*, đồng thời tại Khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 cũng như Khoản 2 Điều 100 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2024 quy định như nhau về nội dung: *“Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật về các tổ chức tín dụng”*, do đó, đối với hợp đồng vay tài sản mà một bên là tổ chức tín dụng thì lãi suất của hợp đồng vay được thực hiện theo thỏa thuận giữa các bên quy định tại hợp đồng. Như vậy yêu cầu thanh toán tiền nợ gốc và nợ lãi theo Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ Ngân hàng điện tử số LN2207066158873 ngày 04/7/2022 và Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng và dịch vụ ngân hàng Đ1 ngày 28/11/2022 với tổng số nợ gốc và lãi là 884.563.491đ là có cơ sở để chấp nhận, cụ thể như sau:

- Đối với Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ Ngân hàng Đ1, tạm tính đến ngày 24/4/2025, ông V còn nợ V3 số tiền là 320.752.468đ, trong đó nợ gốc là 166.414.749đ và nợ lãi là 154.337.719đ.

- Đối với Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng và dịch vụ ngân hàng điện tử số 181-P-9966880 ngày 28/11/2022, tạm tính đến ngày 24/4/2025, ông V còn nợ V3 số tiền là 563.811.022đ, cụ thể nợ gốc là 299.480.000đ và nợ lãi là 264.331.022đ.

[3.2] Xét yêu cầu buộc ông Lê Hoàng V tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 25/4/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại các Hợp đồng. Căn cứ Khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì việc bổ sung yêu cầu của nguyên đơn không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu, đồng thời phù hợp với Khoản 2 Điều 2, Khoản 2 Điều 6 của các Hợp đồng tín dụng nêu trên và Đ a

Khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận vì V3 đã tạo điều kiện gia hạn việc trả nợ nhưng ông V vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

[4] Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Hoàng V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền gốc và lãi phải thanh toán cho V3 theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đồng thời hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp cho S.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 58, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Khoản 2 Điều 3 và Khoản 2 Điều 91 của Luật tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Căn cứ vào Khoản 2 Điều 100 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2024;

- Căn cứ vào Điều 6, Điều 7, Điều 26, Điều 30, Điều 31 và Điều 32 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008;

- Căn cứ và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là Ngân hàng TMCP V2.

Buộc ông Lê Hoàng V có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP V2 số tiền nợ gốc và tiền lãi theo Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ Ngân hàng điện tử số LN2207066158873 ngày 04/7/2022 và Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng và dịch vụ ngân hàng Đ1 ngày 28/11/2022 với tổng số nợ gốc và lãi tính đến ngày 24/4/2025 là 884.563.491đ (T2 trăm tám mươi bốn triệu năm trăm sáu mươi ba ngàn bốn trăm chín mươi một đồng).

Thi hành ngay sau khi Bản án phát sinh hiệu lực pháp luật.

2. Ông Lê Hoàng V phải chịu thêm tiền lãi phát sinh kể từ ngày 24/4/2025 cho đến khi thanh toán hết số tiền nợ nêu trên cho Ngân hàng TMCP V2 trên số nợ gốc thực nợ, theo mức lãi suất thỏa thuận trong Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ Ngân hàng điện tử số LN2207066158873 ngày 04/7/2022 và Giấy đề nghị kiêm Hợp đồng cấp hạn

mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng và dịch vụ ngân hàng Đ1 ngày 28/11/2022.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Lê Hoàng V phải chịu án phí là 38.536.905đ (Ba mươi tám triệu năm trăm ba mươi sáu ngàn chín trăm lẻ năm đồng);

- H lại cho Ngân hàng TMCP V4 số tiền tạm ứng án phí là 16.101.850đ (Mười sáu triệu một trăm lẻ một ngàn tám trăm năm mươi đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0063073 ngày 03/12/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Củ Chi.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

4. Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc từ ngày Bản án được niêm yết.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thái Văn Sơn Nguyễn Văn V1

Nguyễn Ngọc Thúy Á